

Theo Kết luận Giám định pháp y Tâm thần, B bị: “Tâm căn suy nhược và

rối loạn sự thích ứng với rối loạn ưu thế về hành vi (F43.24)”. Trước, trong, sau khi gây án và hiện nay bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi.

Ngày 20-10-2017, gia đình của B đã nộp 100.000.000đ tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, để khắc phục hậu quả.

Tại bản án số 262/2018/HS-ST ngày 8-10-2018, Tòa án nhân dân quận N đã tuyên xử như sau:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm q khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt Nguyễn Thanh B 7 năm tù.

- Áp dụng khoản 2 Điều 134; điểm b, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt Nguyễn Thanh B 2 năm tù.

Tổng hợp hình phạt chung là 9 năm tù.

Ngoài ra, còn có các quyết định: về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí trong vụ án.

Sau khi tuyên án sơ thẩm, ngày 22-10-2018, bị cáo kháng cáo, kêu oan, không phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thay đổi yêu cầu kháng cáo: xin xem xét lại tội danh và giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo không có cung cấp thêm chứng cứ về các tình tiết mới.

Các luật sư, bào chữa cho bị cáo, cho rằng hành vi của bị cáo có dấu hiệu tội phạm Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, vì giữa 2 bên đã có quan hệ vay mượn trước đó. Vì có lòng tin nên bị hại mới giao tài sản cho bị cáo. Các Luật sư đề nghị xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, như: Bị cáo khai báo thành khẩn và ăn năn hối cải; hậu quả đã được khắc phục từ chính tiền của bị cáo; bị cáo đã là bộ đội tình nguyện tại chiến trường Cam pu chia; cha của bị cáo được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì và người bị hại đã rút yêu cầu khởi tố đối với bị cáo.

Kiểm sát viên nhận định: bản án sơ thẩm đã tuyên có căn cứ và đúng pháp luật. Mức hình phạt đã tuyên là tương xứng. Đã có xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai báo chưa thật thành khẩn. Nên đề nghị giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Quá trình tiến hành tố tụng ở cấp sơ thẩm tuân thủ các quy định của Pháp luật, bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho những người tham gia tố tụng. Các chứng cứ tại hồ sơ đủ để kết luận về hành vi phạm tội của bị cáo, cũng như để giải quyết các

vấn đề khác có liên quan.

[1] Sau khi tuyên án sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thanh B không có kháng cáo Quyết định của Bản án sơ thẩm - xử phạt bị cáo về tội Cố ý gây thương tích. Do vậy, Quyết định này của Bản án sơ thẩm đã có hiệu lực thi hành.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo đối với Quyết định của Bản án sơ thẩm - xử phạt bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo có thừa nhận hành vi phạm tội.

[2.1] Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 689 Bộ luật Dân sự năm 2005 và điểm b khoản 1 Điều 127 Luật Đất đai năm 2003 (điểm a khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai năm 2013), thấy rằng việc ký kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 1-3-2010, giữa bị cáo với bà T là đúng pháp luật và có giá trị pháp lý. Các bên tham gia giao kết đều phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung giao kết. Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự: những tình tiết, sự kiện ghi trong văn bản đã được công chứng hợp pháp là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Văn bản công chứng là nguồn chứng cứ theo quy định tại khoản 10 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối tượng giao dịch theo Hợp đồng này là quyền sử dụng diện tích 1.081,9 m² đất tại thửa số 118, tờ bản đồ số 13, phường W, quận N, thành phố Cần Thơ. Giá trị giao dịch theo Hợp đồng này là 200.000.000đ.

Trong thực tế, bị cáo đã chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích đất nói trên cho rất nhiều người khác từ năm 2008. Việc chuyển nhượng không đúng pháp luật, do đang có quy hoạch của Nhà nước để sử dụng diện tích đất nói trên vào mục đích khác. Tuy nhiên, những người này đã xây dựng nhà và cư trú tại đây từ lâu.

Bà T và bà Q khai rằng - bị cáo đã giới thiệu và dẫn đi xem một thửa đất khác là có căn cứ để chấp nhận, vì không có ai chịu mua tài sản trong tình trạng như vậy.

[2.2] Bị cáo cho rằng - chỉ có thể chấp để vay tiền, nhưng không cung cấp được hợp đồng có giá trị pháp lý, cũng không có chứng cứ nào khác.

[2.3] Song cho dù là vay hay là chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thì bà T cũng là người bị lừa dối.

[2.4] Căn cứ vào Hợp đồng nói trên, Tòa án sơ thẩm chỉ chấp nhận 200.000.000đ là giá trị tài sản bị chiếm đoạt. Những thỏa thuận với mục đích vi phạm pháp luật không được công nhận. Như vậy là đúng đắn.

Các biên nhận tiền trong các tháng 2 và 3 năm 2011, do bà T xuất trình. Trong đó, ghi nhận sự việc “mượn tiền” và sẽ tính lãi sau 1 hoặc 3 tháng (BL. 27-29), phù hợp với tường trình của bà T tại đơn thưa (BL.8). Đó là quan hệ vay mượn, sau khi ký kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 1-3-2010.

[2.5] Xét xử bị cáo theo điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 là phù hợp, có căn cứ.

[3] Hiện nay tội phạm này còn xảy ra nhiều, gây thiệt hại rất lớn về tài sản, gây mất an ninh trật tự và an toàn xã hội. Khi lượng hình, Tòa án sơ thẩm đã có xem xét tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Mức hình phạt đã tuyên đối với bị cáo là tương xứng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng khai báo chưa thật phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập. Tuy nhiên, trong Lời nói sau cùng, bị cáo thành khẩn nhìn nhận tội. Hậu quả đã được khắc phục. Nên giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận một kháng cáo của bị cáo. Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh B phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 139; các điểm b, n và p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt Nguyễn Thanh B 5 năm tù.

Ngoài ra, bị cáo còn bị xử phạt 2 năm tù theo khoản 2 Điều 134; các điểm b, s, q khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tổng hợp hình phạt chung là 7 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25-11-2016. Được khấu trừ thời hạn tạm giam trước từ 12-9-2014 đến 16-2-2015.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành.

Bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nơi nhận:

- VKS nhân dân TP. Cần Thơ;
- Sở tư pháp TP. Cần Thơ;
- Cục thi hành án TP. Cần Thơ;
- Trại tạm giam TP. Cần Thơ;
- Cơ quan tố tụng quận N.
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

Nguyễn Văn Trinh

